

KẾT QUẢ VÒNG 2 XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐXT ngày 06/10/2025 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Hệ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Bảng được xếp loại	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 4	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 10	Điểm ưu tiên	Đổi tương ưu tiên	Chứng chỉ sư phạm (nếu có)	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Quá trình dạy HD (nếu có)	Số CCCD	Tổng điểm (8)+(9)	Ghi chú
A	Cấp Tiểu học	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Giáo viên Văn hóa (chỉ tiêu 11)																	
1	Lương Thị An	16/10/2002	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,92	7,25	0,5	Thái		Xã Phú Lệ	Bản Tai Giác, xã Phú Lệ		038302012056	7,75	
2	Lưu Đình Anh	19/10/1998	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,43	8,04	0,5	Mường		Xã Thạch Quảng	Thôn Quảng Cộng, xã Thạch Quảng		038098018347	8,54	
3	Hà Nguyệt Anh	23/10/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Khá	3,00	7,50	0,5	Thái		Xã Linh Sơn	Bản Nặng Cát, Linh Sơn		038303005847	8,00	
4	Lê Thị Quỳnh Anh	03/3/2003	CNGD TH	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	2025	Khá	3,01	7,83				Xã Thành Vinh	Thôn Tân Long, xã Thành Vinh		038303011826	7,83	
5	Nguyễn Hoàng Mai Anh	22/8/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Khá	3,19	7,70				Xã Luân Thành	Thôn Liền Thành, xã Luân Thành		038303023790	7,70	
6	Vì Thị Danh	02/5/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,25	7,69	0,5	Thái		Xã Quang Chiểu	Bản Pong, xã Quang Chiểu		038303014009	8,19	
7	Lê Thị Đào	04/3/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Xuất sắc	3,63	8,35				Xã Văn Du	Thôn Cát Thành, xã Văn Du		038303007542	8,35	
8	Nguyễn Thị Điểm	27/02/2003	CNGD TH	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	2025	Khá	2,94	7,60	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Thượng Quang, xã Thành Vinh		038303012577	8,10	
9	Lang Văn Duẩn	10/12/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,88	7,22	0,5	Thái		Xã Thanh Quân	Thôn Ké Manh, xã Thanh Quân		038203007423	7,72	
10	Trần Thị Duyên	20/4/2002	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,84	7,14				Xã Kim Tân	Thôn Lâm Thành, xã Kim Tân		038302007260	7,14	
11	Quách Thị Thu Hà	17/3/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,27	7,82	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Yên Sơn 1, xã Thành Vinh		038303006093	8,32	
12	Lê Thu Hà	15/7/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,17	7,61				Phường Đông Quang	115 Nguyễn Phúc, phường Đông Quang		038303012852	7,61	
13	Phạm Thị Thu Hà	26/3/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Khá	3,03	7,42				Xã Kim Tân	Thôn Định Tân, xã Kim Tân		038303006398	7,42	
14	Bùi Thị Hải	02/01/2001	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,17	7,69	0,5	Mường		Xã Kim Tân	Thôn Chính Thành, xã Kim Tân		038302017106	8,19	
15	Phạm Thị Hải	16/11/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,43	7,96				Xã Thạch Bình	Thôn 2, xã Thạch Bình		038303018617	7,96	
16	Đỗ Thị Hằng	31/3/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,48	8,06				Xã Thạch Bình	Thôn 1, xã Thạch Bình		038303018681	8,06	
17	Đoàn Thị Hạnh	09/10/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,51	8,11				Xã Thạch Bình	Thôn 2, xã Thạch Bình		038303018619	8,11	
18	Nguyễn Thị Mỹ Hào	02/9/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,78	7,05	0,5	Mường		Xã Thạch Quảng	Thôn Tượng Phong, Thạch Quảng		038303011832	7,55	
19	Bùi Thị Thu Hiền	21/01/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,18	7,56	0,5	Mường		Xã Kim Tân	Thôn Thọ Liễu, xã Kim Tân		038303006139	8,06	
20	Lê Thị Hòa	05/4/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,35	7,92				Xã Thạch Bình	Thôn 2, xã Thạch Bình		038303018618	7,92	
21	Đình Thị Hoài	23/9/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,05	7,42	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Đông Thành, xã Thành Vinh		038303006839	7,92	
22	Đình Thị Hoài	02/9/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,01	7,39	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Thành Tân, xã Thành Vinh		038303003282	7,89	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Hệ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Bảng được xếp loại	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 4	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 10	Điểm ưu tiên	Đổi tương ưu tiên	Chứng chỉ sư phạm (nếu có)	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Quá trình dạy HĐ (nếu có)	Số CCCD	Tổng điểm (8)+(9)	Ghi chú
23	Hà Khánh Huyền	06/9/1998	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,18	7,67	0,5	Mường		Xã Cẩm Vân	Thôn An Tâm, xã Cẩm Vân		038198017695	8,17	
24	Phạm Quang Khải	10/10/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,17	7,66				Xã Thạch Bình	Thôn 1, xã Thạch Bình		038203006316	7,66	
25	Hà Tùng Lâm	22/11/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,71	6,89	0,5	Thái		Xã Mường Lát	Khu III, xã Mường Lát		038203008804	7,39	
26	Phạm Thị Lê	16/10/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,04	7,38	0,5	Mường		Xã Cẩm Tú	Thôn Giang Hồng 1, xã Cẩm Tú		038303019531	7,88	
27	Nguyễn Thị Linh	15/6/2002	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Khá	2,89	7,33	0,5	Mường		Xã Thạch Bình	Thôn Xuân Thắng, Thạch Bình		038302009814	7,83	
28	Đỗ Thị Kiều Linh	21/02/2002	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,87	7,12				Xã Kim Tân	Thôn Chính Thành, xã Kim Tân		038302017106	7,12	
29	Nguyễn Hà Ly	11/6/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,21	7,68	0,5	Mường		Xã Thượng Ninh	Thôn Đức Thắng, xã Thượng Ninh		038303023951	8,18	
30	Nguyễn Thị Trúc Mai	18/12/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,20	7,56	0,5	Mường		Xã Thạch Bình	Thôn Xuân Tiến, xã Thạch Bình		038303008118	8,06	
31	Trương Thị My	06/5/1996	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2020	Khá	3,10	7,58				Xã Thạch Bình	Thôn Bình Sậy, xã Thạch Bình		038196027167	7,58	
32	Bùi Thị Ngân	23/6/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,34	7,86	0,5	Mường		Xã Thạch Bình	Thôn Cẩm Lợi 1, Thạch Bình		038303008013	8,36	
33	Lương Thị Ngân	28/10/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,11	7,48	0,5	Thái		Xã Văn Nho	Thôn Kháng, xã Văn Nho		038303003453	7,98	
34	Vi Thị Ngọc	28/04/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,48	8,10	0,5	Thái		Xã Quang Châu	Bản Xim, xã Quang Châu		038303010326	8,60	
35	Vi Hà Ngọc	01/10/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Khá	3,15	7,58	0,5	Thái		Xã Thiên Phú	Bản Dồi, xã Thiên Phú		038303007756	8,08	
36	Thiều Thị Ngọc	05/4/2001	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2024	Khá	3,05	7,40				Xã Thành Vinh	Thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh		038301011394	7,40	
37	Đỗ Thị Ngọc	09/01/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,20	7,63				Xã Kim Tân	Thôn Liên Hưng, xã Kim Tân		038303021257	7,63	
38	Bùi Ánh Nguyệt	10/11/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,11	7,54	0,5	Mường		Xã Thạch Quảng	Thôn Nghéo, xã Thạch Quảng		038303011807	8,04	
39	Lê Thị Linh Nhi	16/7/2002	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,29	7,84				Xã Kim Tân	Thôn 2 Tân Sơn, Kim Tân		038302020601	7,84	
40	Phạm Yến Nhi	24/10/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,98	7,40	0,5	Mường		Xã Điện Lư	Thôn Chiềng Lắm, xã Điện Lư		038303023014	7,90	
41	Nguyễn Thuý Nhi	11/11/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,98	7,29	0,5	Mường		Xã Thạch Bình	Khu 2 Thạch Bình		038303012208	7,79	
42	Trịnh Hồng Nhung	15/12/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,38	7,94				Xã Kim Tân	Thôn Liên Hưng, xã Kim Tân		038303010698	7,94	
43	Tào Thị Nhung	07/10/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,05	7,38				Xã Kim Tân	Thôn Thành Thọ, xã Kim Tân		038303008826	7,38	
44	Phạm Nam Phong	09/01/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,79	7,07	0,5	Mường		Xã Cẩm Thạch	Thôn Thạch Minh, xã Cẩm Thạch		038203013612	7,57	
45	Nguyễn Thị Phương	07/01/2001	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2024	Khá	3,10	7,53				Xã Thành Vinh	Thôn Quyết Thắng, xã Thành Vinh		038301019561	7,53	
46	Đình Minh Quý	26/3/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,75	6,92	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Yên Sơn 2, xã Thành Vinh		038203007446	7,42	
47	Nguyễn Ngọc Quyển	02/02/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,55	8,24				Xã Kim Tân	Thôn Trường Thành, Kim Tân		038303009583	8,24	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Hệ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Bảng được xếp loại	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 4	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 10	Điểm ưu tiên	Đổi tương ưu tiên	Chứng chỉ sư phạm (nếu có)	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Quá trình dạy HĐ (nếu có)	Số CCCD	Tổng điểm (8)+(9)	Ghi chú
48	Nguyễn Diễm Quỳnh	02/02/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Xuất sắc	3,62	8,31				Xã Kim Tân	Thôn Trường Thành, Kim Tân		038303009584	8,31	
49	Quách Thị Xuân Quỳnh	26/8/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Giỏi	3,41	8,05	0,5	Mường		Xã Thạch Quảng	Thôn Quảng Thắng, xã Thạch Quảng		038303011834	8,55	
50	Hà Thị Như Quỳnh	31/01/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Khá	3,03	7,46	0,5	Thái		Xã Thiên Phú	Bán Dồi, xã Thiên Phú		038303002980	7,96	
51	Lò Thị Quỳnh	14/11/2003	CNGD TH	ĐH Hoa Lư	Chính quy	2025	Khá	2,72	7,32	0,5	Thái		Xã Yên Thắng	Bán Vắn, xã Yên Thắng		038303004565	7,82	
52	Đinh Thị Hồng Sinh	17/9/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,37	7,97	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Yên Sơn 1, xã Thành Vinh		038303008825	8,47	
53	Trương Thị Thắm	03/12/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,08	7,47	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Tây Hương, xã Thành Vinh		038303006301	7,97	
54	Bùi Thị Phương Thanh	30/8/2002	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2024	Khá	2,83	7,14	0,5	Mường		Xã Thạch Bình	Thôn Thạch Yến, xã Thạch Bình		038302009813	7,64	
55	Bùi Văn Thiện	13/6/2002	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,90	7,29	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Thống Nhất, xã Thành Vinh		038202006245	7,79	
56	Hà Thị Hoài Thương	03/01/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,20	7,73	0,5	Mường		Xã Kim Tân	Thôn 6 Tân Sơn, xã Thành Kim		038303009092	8,23	
57	Lê Thị Thương	10/9/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Giỏi	3,27	7,89				Xã Điền Quang	Thôn Bái Tám, xã Điền Quang		038303009642	7,89	
58	Quách Thị Thủy	04/8/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,90	7,30	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Mực Long, xã Thành Vinh		038303010331	7,80	
59	Đào Thị Thanh Thủy	18/7/2003	CNGD TH	ĐHSP Huế	Chính quy	2025	Khá	2,84	7,49				Xã Thăng Bình	Thôn Hồng Sơn, xã Thăng Bình		038303015694	7,49	
60	Ngân Thị Huyền Trang	29/12/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Giỏi	3,20	7,76	0,5	Thái		Xã Yên Thắng	Bán Vắn, xã Yên Thắng		038303004579	8,26	
61	Bùi Thị Huyền Trang	15/9/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,19	7,74	0,5	Mường		Xã Quý Lương	Thôn Trung Thành, xã Quý Lương		038303023008	8,24	
62	Bùi Thị Thu Trang	10/6/2003	CNGD TH	ĐHSP Hà Nội	Chính quy	2025	Khá	3,13	7,56	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Mực Long, xã Thành Vinh		038303011425	8,06	
63	Bùi Thị Trang	12/01/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,81	7,10	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Mặc Hèo, xã Thành Vinh		038303012205	7,60	
64	Trương Thị Trúc	14/01/2003	CNGD TH	ĐH Quốc Gia HN	Chính quy	2025	Giỏi	3,32	8,01	0,5	Mường		Xã Kim Tân	Thôn Ngọc Nước, xã Kim Tân		038303007103	8,51	
65	Trần Thanh Tùng	19/7/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,46	8,09				Xã Kim Tân	Thôn Chính Thành, xã Kim Tân		038203019499	8,09	
66	Lương Thị Tường	07/01/2003	CNGD TH	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	2025	Khá	3,07	7,83	0,5	Thái		Xã Văn Phú	Bán Long, xã Văn Phú		038303017361	8,33	
67	Nguyễn Thanh Tuyền	14/7/2002	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2024	Khá	2,62	6,87	0,5	Mường		Xã Thạch Bình	Thôn Yên Khánh, Thạch Bình		038302010193	7,37	
68	Nguyễn Thị Vũ Tuyết	12/8/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,33	7,83				Xã Kim Tân	Thôn Hoàng Thành, xã Kim Tân		038303021254	7,83	
69	Hà Thị Tố Uyên	24/5/2003	CNGD TH	ĐH Vinh	Chính quy	2025	Khá	2,86	7,27	0,5	Mường		Xã Giao An	Làng Viên, xã Giao An		038303014676	7,77	
70	Đinh Thúy Vân	05/4/2003	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,19	7,72	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Thành Trung, xã Thành Vinh		038303015110	8,22	
71	Lê Thị Vân	05/11/2002	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,15	7,61	0,5	Mường		Xã Cẩm Thạch	Thôn Văn Thung, xã Cẩm Thạch		038302012942	8,11	
72	Nguyễn Hoàng Yến	13/8/2002	CNGD TH	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2024	Khá	3,02	7,38				Xã Luận Thành	Thôn Trung Nam, xã Luận Thành		038302019221	7,38	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Hệ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Bảng được xếp loại	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 4	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 10	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Chứng chỉ sư phạm (nếu có)	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Quá trình dạy HĐ (nếu có)	Số CCCD	Tổng điểm (8)+(9)	Ghi chú
II Giáo viên âm nhạc (chỉ tiêu 01)																		
1	Lã Minh Phương	02/05/1984	ĐHSP Âm nhạc	ĐHVHTTDL Thanh Hóa	Chính quy	2018	Khá	2,82	7,21	0,5	Mường		Xã Kim Tân	Thôn 6 Tân Sơn, xã Kim Tân		0380840054	7,71	
B Cấp THCS																		
I Giáo viên Hóa học (chỉ tiêu 01)																		
1	Trịnh Thái Dương	05/10/2003	CNSP Hoá học	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,67	6,81				Xã Thạch Bình	Thôn 1, xã Thạch Bình		038203019500	6,81	
2	Trần Thị Giang	10/9/2003	CNSP Hoá học	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,36	7,95				Xã Cẩm Tú	Thôn Thuận Lương, xã Cẩm Tú		038303013639	7,95	
3	Lê Thị Hạnh	23/3/1993	CNSP Hoá học	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2016	Khá	3,14	7,63				Xã Thạch Bình	Thôn 4, xã Thạch Bình		03819324154	7,63	
4	Trương Thị Hiền	23/01/1996	CNSP Hoá học	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2022	Trung bình	2,35	6,35				Xã Kim Tân	Thôn Định Tân, xã Kim Tân		038196021610	6,35	
5	Hà Thị Lam	25/8/2002	CNSP Hóa học	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	2024	Giỏi	3,38	8,05				Xã Kim Tân	Thôn Lâm Thành, xã Kim Tân		038302014659	8,05	
6	Lê Thị Ngọc	02/01/2003	CNSP Hoá học	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,95	7,23				Xã Văn Du	Thôn 3, xã Văn Du		038303017441	7,23	
7	Lê Xuân Quỳnh	19/8/2003	CNSP Hóa học	ĐHSP Hà Nội	Chính quy	2025	Khá	3,00	7,41				Xã Kim Tân	Thôn Hợp Thành, xã Kim Tân		038303011048	7,41	
8	Đỗ Xuân Việt	27/03/2000	CNSP Hóa học	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	2024	Giỏi	3,20	7,72				Xã Ngọc Trạo	Thôn Tân Liên, xã Ngọc Trạo		038200028685	7,72	
II Giáo viên Lịch sử (chỉ tiêu 01)																		
1	Hà Văn Cường	16/10/1998	CNSP Lịch sử	ĐH Hồng Đức	Chính Quy	2025	Giỏi	3,42	8,00	0,5	Thái		Xã Thanh Quân	Thôn Thanh Tiến, xã Thanh Quân		038098011879	8,50	
2	Hà Thị Diễm	09/04/2003	CNSP Lịch sử	ĐH Hồng Đức	Chính Quy	2025	Xuất sắc	3,76	8,69	0,5	Thái		Xã Linh Sơn	Bán Hắc, xã Linh Sơn		038303008422	9,19	
3	Trương Thị Lệ Khuyến	16/02/2003	CNSP Lịch sử	ĐH Hồng Đức	Chính Quy	2025	Giỏi	3,45	8,06	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Thôn Văn Đình, xã Thành Vinh		038303008144	8,56	
4	Lưu Hoàng Nam	25/6/2003	CNSP Lịch sử	ĐH Hoa Lư	Chính Quy	2025	Khá	3,01	7,71				Xã Kim Tân	Thôn Định Hưng, xã Kim Tân		038203018830	7,71	
5	Lê Thị Nga	10/10/1990	CNSP Lịch sử	ĐH Vinh	Chính Quy	2013	Khá	3,08	7,55	0,5	Thỏ		Xã Thành Vinh	Thôn Lộc Phương 1, xã Thành Vinh		038190044592	8,05	
6	Bùi Thị Hoài Thương	02/9/2003	CNSP Lịch sử	ĐH Hồng Đức	Chính Quy	2025	Xuất sắc	3,65	8,42	0,5	Mường		Xã Thạch Quảng	Thôn Nội Thành, xã Thạch Quảng		038303003804	8,92	
7	Triệu Thị Thủy	11/05/2003	CNSP Lịch sử	ĐH Hồng Đức	Chính Quy	2025	Giỏi	3,50	8,15	0,5	Dao		Xã Cẩm Thạch	Thôn Bình Yên, xã Cẩm Thạch		038303019989	8,65	
III Giáo viên Địa lý (chỉ tiêu 01)																		
1	Nguyễn Thị Dung	04/11/1991	CNSP Địa lý	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2013	Khá	2,55	6,75				Xã Thạch Bình	Thôn Đồng Trạch, xã Thạch Bình		038191029310	6,75	
2	Nguyễn Thị Hương Giang	13/8/1997	CNSP Địa lý	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2020	Khá	2,50	6,61				Xã Thành Vinh	Thôn Lộc Phương 2, xã Thành Vinh		038197003585	6,61	
3	Ngô Ngọc Hiệp	10/9/1998	CNSP Địa lý	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2022	Trung bình	2,48	6,66				Xã Kim Tân	Thôn Định Hưng, xã Kim Tân		038098010387	6,66	
4	Nguyễn Thị Linh	01/07/1997	CNSP Địa lý	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2019	Khá	2,62	6,75	0,5	Mường		Xã Thạch Quảng	Nông Trường, xã Thạch Quảng		038197028958	7,25	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Hệ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Bảng được xếp loại	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 4	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 10	Điểm ưu tiên	Đổi tương ưu tiên	Chứng chỉ sư phạm (nếu có)	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Quá trình dạy HĐ (nếu có)	Số CCCD	Tổng điểm (8)+(9)	Ghi chú
5	Bùi Thị Mùi	11/9/2003	CNSP Địa lý	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,10	7,55	0,5	Mường		Xã Cẩm Thạch	Thôn Tô, xã Cẩm Thạch		038303019139	8,05	
6	Bùi Thị Na	02/05/2001	CNSP Địa lý	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2024	Khá	3,18	7,66	0,5	Mường		Xã Hà Long	Thôn Nghĩa Dũng, xã Hà Long		038301010001	8,16	
7	Hoàng Thị Ngân	08/9/2002	CNSP Địa lý	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,21	7,77	0,5	Mường		Xã Cẩm Thủy	Thôn Sóng, xã Cẩm Thủy		038302009968	8,27	
8	Nguyễn Thị Quyển	02/11/2003	CNSP Địa lý	ĐHSP Hà Nội	Chính quy	2025	Giỏi	3,21	7,69				Xã Thạch Bình	Thôn Thành Quang xã Thạch Bình		038303008832	7,69	
IV	Giáo viên GDCD (chỉ tiêu 02)																	
1	Nguyễn Hữu Bắc	12/02/2003	Cử nhân GD Công Dân	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	2025	Trung bình	2,33	6,73				Xã Thiệu Trung	Thôn 7 xã Thiệu Trung		038203019061	6,73	
2	Trịnh Diệu Ly	30/8/2003	Cử nhân GD Công Dân	ĐHSP Hà Nội 2	Chính quy	2025	Khá	2,74	7,37				Bà Thọ Bình	Thôn 5 xã Quan Sơn		038303014937	7,37	
3	Lê Thị Thảo Nhi	28/7/2003	Cử nhân GD Chính trị	ĐHSP Hà Nội	Chính quy	2025	Giỏi	3,21	7,76				Xã Thọ Ngọc	Thôn 1, Xã Thọ Ngọc		038303018576	7,76	
4	Cao Huệ Trang	09/12/2003	Cử nhân GD Chính trị	ĐHSP Hà Nội	Chính quy	2025	Giỏi	3,43	8,02	0,5	Mường		Cẩm Tú	Quý Trung, Cẩm Tú		038303020852	8,52	
V	Giáo viên Âm nhạc (chỉ tiêu 01)																	
1	Bùi Minh Chi	07/02/1988	CNSP Âm nhạc	ĐHVHTTDL TH	Chính quy	2015	Khá	3,18	7,60	0,5	Mường		Xã Thạch Quảng	Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng		038088028326	8,10	
2	Nguyễn Thị Hồng	26/02/1984	CNSP Âm nhạc	ĐHSP Hà Nội	Từ xa	2011	Khá		7,31	0,5	Con TB		Xã Đô Lương NA	Thôn 6 Tân Sơn, xã Kim Tân		040184018519	7,81	
VI	Giáo viên Mỹ thuật (chỉ tiêu 02)																	
1	Nguyễn Đình Hải	11/01/1988	ĐHSP Mỹ Thuật	ĐHSPNT TW	Vừa làm vừa học	2013	Khá		7,67				Xã Thạch Bình	Thôn 5, xã Kim Tân		038088017528	7,67	
VII	Giáo viên Công nghệ (chỉ tiêu 01)																	
1	Nguyễn Thị Dung	17/3/1986	CNSP KTCN	ĐHSPKT Vinh	Chính quy	2011	Khá		7,46				Xã Vinh Lộc	Xã Vinh Lộc		038186045423	7,46	
VIII	Giáo viên Tiếng anh (chỉ tiêu 01)																	
1	Tào Thị Dung	11/08/2003	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,27	7,81				Xã Diên Lư	Thôn Xía, xã Diên Lư		038303022321	7,81	
2	Đoàn Thị Hiền	15/9/2003	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Giỏi	3,41	7,94				Xã Thạch Bình	Thôn 2, xã Thạch Bình		038303018732	7,94	
3	Trương Ánh Hoàng	03/12/2001	CN Ngôn ngữ Anh	HV Tài Chính	Chính quy	2023	Khá	2,76	6,97			Có	Xã Kim Tân	Đình Hưng, Kim Tân		038301019394	6,97	
4	Lê Thị Huyền	10/8/2002	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2024	Giỏi	3,48	8,11				Xã Thành Vinh	Bãi Cháy, xã Thành Vinh		038302009623	8,11	
5	Lương Thị Huyền	05/01/2003	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,04	7,42				Xã Thành Vinh	Mình Hải, xã Thành Vinh		038303008678	7,42	
6	Bùi Thanh Huyền	12/11/2003	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,69	6,90	0,5	Mường		Xã Kim Tân	Thôn 3, xã Kim Tân		038303014356	7,40	
7	Nguyễn Thị Linh	10/3/1995	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2017	Trung bình	2,46	6,45				Xã Thành Vinh	Thôn Thương Quang, xã Thành Vinh	có	038195029895	6,45	
8	Nguyễn Ngọc Mai	24/10/2003	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,88	7,23				Xã Kim Tân	Thôn 2, xã Kim Tân		038303010711	7,23	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Hệ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Bảng được xếp loại	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 4	Điểm bình quân toàn khóa theo thang điểm 10	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Chứng chỉ sư phạm (nếu có)	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Quá trình dạy HD (nếu có)	Số CCCD	Tổng điểm (8)+(9)	Ghi chú
9	Đỗ Trung Nguyên	11/03/2003	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,96	7,33				Xã Kim Tân	Thôn 2, xã Kim Tân		038203019420	7,33	
10	Trương Thị Quỳnh	21/4/2003	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	3,10	7,47	0,5	Mường		Xã Thành Vinh	Vân Đình, xã Thành Vinh		038303011802	7,97	
11	Lê Thị Yến Vy	18/5/2002	CNSP Tiếng Anh	ĐH Hồng Đức	Chính quy	2025	Khá	2,75	6,99				Xã Thạch Bình	Thôn 4, xã Thạch Bình		038302007313	6,99	